

Bản án số: **40/2018/HS-ST**
Ngày 20 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thế Công.

2. Bà Lê Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2018/TLST-HS, ngày 12 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Quang T; sinh ngày 20 tháng 12 năm 1987 tại xã NA, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm X, xã NA, huyện ND, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Hồ Thị L; họ và tên vợ: Hoàng Thị H; có 01 con sinh năm 2011; tiền sự: Không; tiền án: Có 03 tiền án: Ngày 27/10/2004 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 14 năm tù và bồi thường tiếp cho cháu Hồ Thị N số tiền 5.210.000 đồng về “Hiếp dâm trẻ em”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2010 (được đặc xá). Ngày 26/9/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/7/2014. Ngày 06/9/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, hiện đang tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù 09 tháng kể từ ngày 03/5/2018 đến ngày 03/02/2019. Nhân thân: Năm 2001 bị UBND tỉnh Nghệ An xử lý vi phạm hành chính đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng, đã chấp hành xong ngày 26/02/2003; bị cáo bị

tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2018 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An; có mặt.

2. Họ và tên: Võ Văn Q; sinh ngày 22 tháng 4 năm 1984 tại xã HL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm Y, xã HL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T và bà Đậu Thị P; họ và tên vợ: Phạm Thị M; có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 20/8/2007 bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 06 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; truy thu sung công quỹ Nhà nước tổng số tiền 35.150.000 đồng và bồi thường cho các bị hại; đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/10/2011; bị cáo chưa chấp hành xong bồi thường dân sự và khoản thu nộp Ngân sách Nhà nước; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2018 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An; có mặt.

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Anh T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Xóm Y, xã HL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. UBND xã HL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Xã HL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Đình N; sinh năm 1980; chức vụ: Công chức Tư pháp – Hộ tịch UBND xã HL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; là người đại diện theo ủy quyền tại văn bản ủy quyền lập ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND xã HL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2. Anh Hà Đức D; sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Khối 5, phường LL, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

3. Chị Hồ Thị Khánh H, sinh năm 1990; nơi ĐKKHT: Xóm 2, xã NA, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Quán Cà phê Bòm, số 49, PKV, phường BT, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Khối 8, phường TĐ, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

5. Ông Võ Văn T; sinh năm 1950; địa chỉ cư trú: Xóm Y, xã HL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 20/6/2018, Nguyễn Quang T và Võ Văn Q đang uống cà phê tại thành phố V thì cùng nhau thống nhất đi trộm cắp tài sản để lấy

tiền tiêu xài, lúc này Q gợi ý là tại xã HL có nhà chị T có tài sản. Sau đó Q điều khiển xe máy Honda Wave RSX màu đen đỏ, BKS37M1-682.14 chở T đi về huyện ND để trộm cắp. Khi đi đến khu vực gần chợ V, Q dừng xe để T vào mua 01 tua-vít màu cam dài 30 cm. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày Q chở T đi qua nhà chị Nguyễn Anh T địa chỉ xóm Y, xã HL, huyện ND để T biết và hướng dẫn cho T lối vào nhà chị T. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Q chở T đến xã HL, khi đi đến khu vực gần ngã tư chợ Tro, xã XH, huyện ND thì T xuống xe và mua thêm 01 tua-vít màu xanh dài khoảng 25cm rồi cả hai tiếp tục đi về hướng xã HL, huyện ND. Đến khoảng 14 giờ 30 phút, khi Võ Văn Q chở Nguyễn Quang T đến đường ven sông Lam thuộc xóm Y, xã HL thì T xuống xe đi bộ vào nhà chị T còn Q điều khiển xe về nhà, thăm dò xem nhà chị T có ai ở nhà không. Đến khoảng 14 giờ 40 phút cùng ngày Q sử dụng điện thoại Nokia 105 gắn thẻ sim 01675856040 gọi vào số điện thoại 0962023486 của T và báo nhà chị T không có ai ở nhà để T đi vào, hiểu ý Q nên T đi vào nhà chị T qua đường cửa chính và theo lối đi hành lang đi ra cửa sau và dùng tua-vít mang theo cạy ván gỗ của cửa bếp rồi mở chốt cửa đi vào nhà. Khi vào trong nhà chị T thì T phát hiện 01 két sắt loại to để ở chân cầu thang biết không thể cạy phá được nên tiếp tục đi vào gian buồng thì phát hiện có 01 két sắt loại nhỏ để ở chân giường ngủ. Lúc này Nguyễn Quang T dùng 02 tua-vít mang theo cạy vị trí hờ giữa cánh cửa và khung két sắt khoảng 20 phút thì cánh cửa chính két sắt bung ra. T phát hiện có tiền và T lấy trộm 57.000.000 đồng tiền Việt Nam. Phát hiện ngăn nhỏ phía dưới bị khoá T tiếp tục dùng 02 tua- vít cạy và lấy trộm 04 nhẫn vàng, 01 dây chuyền vàng, 01 lắc tay vàng đựng trong các hộp nhựa. Sau đó T đi ra nhà tắm và lấy 01 miếng vải thấm nước vào lau két sắt rồi đi theo hướng cửa bếp và vớt 02 tua-vít ở phía trên thùng đựng lúa gần đó, trèo tường ra ngoài theo hướng đường ven sông Lam và dùng điện thoại gọi điện cho Võ Văn Q để thông báo đã trộm cắp tài sản xong và bảo Q mang xe ra đón mình. Sau đó, Võ Văn Q sử dụng xe mô tô BKS 37M1-682.14 đi ra đường ven sông Lam đón Nguyễn Quang T và cả hai đi xuống thành phố V, trên đường đi thì T đưa cho Q số tiền bao gồm: 01 tập tiền mệnh giá 500.000 Việt Nam đồng, 01 tập tiền mệnh giá 10.000 Việt Nam đồng, 01 tập tiền mệnh giá 5.000 Việt Nam đồng, số tài sản trộm cắp còn lại T giữ. Khi đến Thành phố V, Nguyễn Quang T xuống chờ bắt xe taxi, còn Võ Văn Q đi gặp bạn. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày Nguyễn Quang T gặp và nhờ anh Hà Đức D (SN 1987, trú tại khối 5, phường LL, thành phố V) đi bán 01 dây chuyền vàng và 01 lắc vàng là số tài sản trộm cắp được khoảng 6.000.000 đồng. Đến ngày 23/6/2018, T tiếp tục nhờ D chở đi ra thị xã HM, tỉnh Nghệ An và huyện TG, tỉnh Thanh Hóa để bán 04 nhẫn vàng trộm cắp được tại nhà chị T được khoảng 12.000.000 đồng. Sau khi bán được số vàng trộm cắp

được Nguyễn Quang T nhờ chị Hồ Thị Khánh H (SN 1990, trú tại xóm 2, xã NA, huyện ND) chuyển cho Võ Văn Q hai lần với tổng số tiền: 4.500.000 đồng.

Ngày 04/7/2018, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật Võ Văn Q và Nguyễn Quang T đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Đàn đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Bản Kết luận định giá số 254 ngày 12/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nam Đàn kết luận: 04 nhẫn vàng, mỗi nhẫn 1 chỉ vàng loại 24K tại thời điểm ngày 20/6/2018 có giá trị 14.080.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 2 chỉ loại 24K tại thời điểm ngày 20/6/2018 có giá trị 7.040.000 đồng; 01 vòng đeo tay bằng vàng có gắn mặt đá 2,5 chỉ loại 24K tại thời điểm ngày 20/6/2018 có giá trị 8.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là: 29.920.000 đồng và 01 kết sắt màu bạc, đen, nhãn hiệu GOONSAN, kiểu KM 75, số seri 4735 có giá trị 400.000 đồng. Tổng số tài sản mà Võ Văn Q và Nguyễn Quang T đã trộm cắp của chị Nguyễn Anh T vào ngày 20/6/2018 là 86.920.000 đồng.

Bản cáo trạng số 45/CT-VKS-HS, ngày 12/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An truy tố Nguyễn Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố Võ Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Nguyễn Quang T và Võ Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt: Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù. Tổng hợp hình phạt 03 tháng 10 ngày tù chưa chấp hành tại Bản án số 75/2016/HSST, ngày 06/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang buộc bị cáo Thành phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là từ 03 năm 09 tháng 10 ngày tù đến 04 năm 03 tháng 10 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 7 năm 2018. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Văn Q từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 7 năm 2018. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Quang T và Võ Văn Q phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Anh T tổng số tiền 87.320.000 đồng; Võ Văn Q đã bồi thường được 14.000.000 đồng sẽ được trừ đi sau khi chia kỷ phần. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 của Võ Văn Q; tịch thu tiêu hủy: 01 tua-vít dài 25 cm và 01 tua-vít dài 30 cm. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị hại chị Nguyễn Anh T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 73.320.000 đồng và xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật; vấn đề bồi thường cho UBND xã HL, chị T tự giải quyết. Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu các bị cáo bồi thường cho chị Nguyễn Anh T, vấn đề dân sự giữa UBND xã HL với chị Nguyễn Anh T sẽ tự giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hà Đức D, chị Hồ Thị Khánh H, chị Nguyễn Thị T vắng mặt. Ông Võ Văn T không có yêu cầu gì về dân sự, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Võ Văn Q.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Đàn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hà Đức D, chị Hồ Thị Khánh H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do. Những người này đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, sự vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Quang T và Võ Văn Q đã khai nhận hành vi của mình phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 15 giờ, ngày 20/6/2018, Nguyễn Quang T và Võ Văn Q đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu đột nhập vào nhà của chị Nguyễn Anh T xóm Y, xã HL, huyện ND, tỉnh Nghệ An lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 57.000.000 tiền Việt Nam đồng và 04 nhẫn vàng, 01 dây chuyền vàng, 01 vòng đeo tay bằng vàng trị giá 29.920.000 đồng. Tổng tài sản mà Nguyễn Quang T và Võ Văn Q chiếm đoạt là 86.920.000 đồng (Tám

mười sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Hành vi Nguyễn Quang T và Võ Văn Q đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Quang T phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Vì vậy Nguyễn Quang T phải chịu thêm tình tiết tăng nặng định khung theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, Nguyễn Quang T đã dùng tua-vít cạy cánh cửa kết sắt của chị Nguyễn Anh T được UBND xã HL giao bảo quản và quản lý. Tuy nhiên chiếc kết sắt bị hư hỏng không nhiều, chị Nguyễn Anh T không yêu cầu xử lý về hình sự. Mặt khác, hành vi cạy cửa kết sắt là hành vi đi liền trước để Nguyễn Quang T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bị xử lý theo quy định. Vì vậy bản Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng và có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, làm mất trật tự trị an trên địa bàn, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của các bị cáo:

Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt tù nhưng không coi đó là bài học để rèn luyện bản thân trở thành người tốt mà chấp hành xong hình phạt lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật. Bị cáo Nguyễn Quang T phạm thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết tăng nặng định khung. Ngày 20/8/2007 Võ Văn Q đã bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 06 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; truy thu sung công quỹ Nhà nước tổng số tiền 35.150.000 đồng và bồi thường cho các bị hại; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/10/2011 nhưng chưa chấp hành xong bồi thường dân sự và khoản thu nộp Ngân sách Nhà nước nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, Nguyễn Quang T là người thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Anh T. Tuy nhiên T không biết nhà chị T ở đâu, có nhiều tài sản hay không, lối đi vào nhà như thế nào và vị trí tài sản mà Võ Văn Q là người biết tất cả nên đã khởi xướng, rủ rê và người giúp sức tích cực để Nguyễn Quang T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên các bị cáo có vai trò ngang nhau trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần lên mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên các bị cáo đều thú về hành vi phạm tội của mình; tại cơ quan điều tra cũng

nếu tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Võ Văn Q tác động gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 14.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; Võ Văn Q có bố và ông nội có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương; bị cáo Nguyễn Quang T có bố Nguyễn Văn Th và ông bà ngoại có công cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận. Tại công văn số 1407/CV-QT, ngày 29/10/2018 của Cục C10 Trại giam Quyết Tiến xác định: Tính đến ngày 06/5/2018 Nguyễn Quang T đã chấp hành Bản án số 75/2016/HSST, ngày 06/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang được 01 năm 11 tháng 20 ngày. Thời gian chưa chấp hành là 03 tháng 10 ngày nên áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét các bị cáo lao động tự do, không có tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Anh T yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền 87.320.000 đồng, gia đình bị cáo Võ Văn Q đã bồi thường số tiền 14.000.000 đồng. Số tiền còn lại bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường là 73.320.000 đồng; các bị cáo chấp nhận yêu cầu bồi thường số tiền này cho bị hại nên không phải chứng minh.

Về kỷ phần bồi thường của mỗi bị cáo: Các bị cáo cùng gây thiệt hại nên phải liên đới cho chị Nguyễn Anh T. Trong vụ án này các bị cáo có vai trò ngang nhau trong thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo không chứng minh được số tiền cụ thể được hưởng lợi. Tuy nhiên, đối với toàn bộ số vàng trị giá 29.920.000 đồng Nguyễn Quang T giữ nên phải chịu trách nhiệm với số tiền này. Đối với số tiền còn lại mỗi bị cáo phải bồi thường một nửa.

Tổng số 57.000.000 đồng tiền mặt các bị cáo chiếm đoạt là tiền thu ngân sách của UBND xã HL giao cho chị Nguyễn Anh T quản lý. Tuy nhiên đại diện UBND xã HL và chị Nguyễn Thị T yêu cầu tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này nếu có yêu cầu thì được giải quyết thành một vụ án dân sự khác.

[8]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan Điều tra Công an huyện Nam Đàn thu giữ: 01 tua-vít tay cầm bằng nhựa màu da cam dài 30cm; 01 tua-vít tay cầm bằng nhựa màu xanh dài 25cm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu

xanh- đen, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao 01675856040, 01653991015 của Võ Văn Q; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đen đỏ, BKS 37M1-682.14.

Đối với 02 tua-vít cầm tay là công cụ sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tuyên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu xanh-đen, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao 01675856040, 01653991015 là phương tiện Võ Văn Q dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội, đang còn giá trị sử dụng nên tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với chiếc xe mô tô 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đen đỏ, BKS 37M1-682.14, thuộc sở hữu Võ Văn T, ông T không biết Võ Văn Q mượn xe để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Đàn đã trả lại cho ông T theo quy định của pháp luật, ông T không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Liên quan trong vụ án có anh Hà Đức D là người được Nguyễn Quang T nhờ đi bán số vàng trộm cắp và cùng T đi bán số vàng trộm cắp và chị Hồ Thị Khánh H là người nhận tiền của Nguyễn Quang T để đưa cho Võ Văn Q và chị Nguyễn Thị T là người cùng sử dụng số tiền trộm cắp tài sản với Võ Văn Q nhưng anh D, chị H, chị T đều không biết việc Nguyễn Quang T và Võ Văn Q trộm cắp tài sản. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với anh Hà Đức D, chị Hồ Thị Khánh H và chị Nguyễn Thị T là có căn cứ.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 03 tháng 10 ngày tù chưa chấp hành tại Bản án số 75/2016/HSST, ngày 06/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng 10 (Mười) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 7 năm 2018.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Văn Q 03 (Ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 7 năm 2018.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Quang T và Võ Văn Q phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Anh T với tổng số tiền 87.320.000 đồng

(Tám mươi bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng). Chia kỷ phần các bị cáo như sau: Bị cáo Nguyễn Quang T có nghĩa vụ bồi thường cho chị Nguyễn Anh T số tiền 58.620.000 (Năm mươi tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng). Bị cáo Võ Văn Q có nghĩa vụ bồi thường cho chị Nguyễn Anh T số tiền 28.700.000 đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng); đã bồi thường được số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng), Võ Văn Q còn phải bồi thường tiếp cho chị Nguyễn Anh T số tiền 14.700.000 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu xanh- đen, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao 01675856040, 01653991015 của Võ Văn Q; tịch thu tiêu hủy: 01 tua-vít dài 25 cm, tay cầm bằng nhựa màu xanh bọc ngoài dài 10cm, thân tua- vít kim loại tròn, mũi tua vít bẹp và 01 tua-vít dài 30 cm, tay cầm bằng nhựa màu cam bọc ngoài dài 10cm, thân tua -vít kim loại tròn, mũi tua vít bẹp. (Đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đàn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Quang T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.930.000 đồng (Hai triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Võ Văn Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 735.000 đồng (Bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được Thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Đàn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- Cơ quan Điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Nam Đàn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An;
- UBND xã NA, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An;
- UBND xã HL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Lại